

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ ~~nhập khẩu~~: Công ty hữu hạn chế tạo công nghiệp và gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP).
- 1.2. Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- 1.3. Loại xe phương tiện: ~~Xe mô tô 2 bánh/Xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác~~ ⁽¹⁾
- 1.4. Nhãn hiệu: SYM
- 1.5. Tên thương mại: ---
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): PRITI 50-VHC
- 1.7. Số giấy chứng nhận ⁽²⁾: 10102/VAQ06-01/25-00

Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 7416 /NETC-M/25/C ngày: 04/06/2025.



2. Thông số kỹ thuật của xe

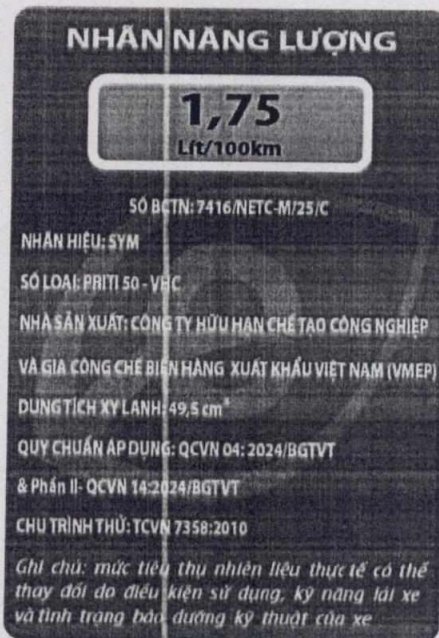
- 2.1. Khối lượng bản thân: 93 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 223 kg
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: SYM VMVHC
Loại động cơ: xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 49,5 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 2,35 / 7500 (kW/r/min)
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/~~phun nhiên liệu/ khác~~: ⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~ ⁽¹⁾ Tự động.
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp.
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,000~0,750
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 14,270
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trục 1: 90/90-10 áp suất: 196 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trục 2: 90/90-14 áp suất: 220,6 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 47,5 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: ~~TCVN 7357:2010/~~ TCVN 7358:2010/ ~~TCVN 9726:2013/.....~~ ⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,75 L/100 km.

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai.

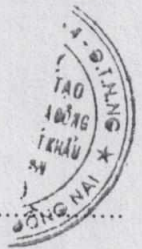


5. Ghi chú (nếu có):

.....

.....

.....



Đồng Nai, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Công Ty VMEP

Giám Đốc *hml*



Wan Chu

HUANG WAN CHU

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm